TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 02 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 514/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1968; địa chỉ Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Như H1, sinh năm 1963; địa chỉ Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, bà và ông Võ Như H1 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/01/1988 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cửu Long (nay là thị Trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H1 không chí thú làm ăn, thường xuyên tham gia cờ bạc ăn thua bằng tiền, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bỏ mặc đời sống kinh tế chung của vợ chồng. Sự việc diễn ra trong thời

gian dài dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Năm 2012, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Bình giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1. Tòa án tiến hành hòa giải, ông H1 cam kết sẽ sửa đổi, bà đồng ý rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Ngày 05/9/2012, Tòa án ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 150/QĐST-HNGĐ. Tuy nhiên, ông H1 vẫn không sửa đổi, tiếp tục tham gia cờ bạc ăn thua bằng tiền và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù, bà và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ ông H1 nhưng không đạt kết quả. Nên bà và ông H1 sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Bà và ông H1 có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Văn My S, sinh ngày 12/3/1989 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, đã tham gia lao động và tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Võ Như H1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng bà H đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm; riêng ông H1 không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời trình bày của bà H, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong phát biểu. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà H và ông H1.

+ Về con chung: Anh S là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần và đã tự lao động nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không tranh chấp yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, ý kiến về con chung đã được nhận định giải quyết tại mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*" thì các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà H, ông H1 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do ông H1 không thủy chung, không chí thú làm ăn, chơi cờ bạc ăn thua bằng tiền, là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa - nghĩa vụ vợ chồng. Bà H và ông H1 có thời gian dài sống ly thân từ năm 2019 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với ông H1. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1 không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết khác đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Căn cứ vào lời trình bày của bà H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà H và ông H1.

[2] Về con chung: Xét anh S là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần và đã tự lao động nuôi sống bản thân. Bà H không yêu

cầu giải quyết, ông H1 không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết vấn đề gì khác về con chung. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H giải quyết vụ án theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết bà H phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng, số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Võ Như H1.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn My S đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần và đã tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số No 0014576 ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Nguyễn Thị Tuyết H, vắng mặt ông Võ Như H1. Báo cho bà H có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông H1 vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND thị trấn T: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.